TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 4 - 2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chí Điền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Thanh Xuân.

2. Bà Trần Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại hai điểm cầu gồm điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè và điểm cầu thành phần là trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 262/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị T, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Thạch X, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (BL 02) và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Thạch Thị T trình bày: Chị với anh Thạch X chung sống với nhau vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 01 con chung tên Thạch Ngọc Th, sinh ngày 17/8/1996 đã trưởng thành. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cải, anh X không

lo chí thú làm ăn, thường xuyên đi uống rượu về đánh đập chị, không quan tâm chăm sóc gia đình, bỏ mặc vợ con. Chị có nhiều lần khuyên can nhưng anh X vẫn không sửa đổi. Chị với anh X đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Thạch X.

Về con chung: Do con chung tên Thạch Ngọc Th, sinh năm 1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không tranh chấp với anh Thạch X.

Về nợ chung: Chị không tranh chấp với anh Thạch X.

Anh Thạch X vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Chị Thạch Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới và cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị T. Do Chị T và anh X chung sống với nhau vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận Chị T và anh X là vợ chồng. Về con chung: Do con chung của Chị T và anh X đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về chia tài sản chung: Chị T không tranh chấp với anh X nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị T không tranh chấp với anh X nên đề nghị không xem xét giải quyết. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật vụ án này là *"Ly hôn"* được quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là anh Thạch X có địa chỉ cư trú tại xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày hôm nay, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng; Đồng thời triệu tập hợp lệ anh Thạch X đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nhưng anh X vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào các điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Thạch X theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét thấy, theo lời khai của chị Thạch Thị T thể hiện chị và anh Thạch X chung sống với nhau vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cải, anh X không lo chí thú làm ăn, thường xuyên đi uống rượu về đánh đập Chị T; không quan tâm chăm sóc gia đình, bỏ mặc vợ con. Chị T có nhiều lần khuyên can nhưng anh X vẫn không sửa đổi. Vì vậy hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi Chị T và anh X chung sống thì được chính quyền địa phương cung cấp là Chị T và anh X thường xuyên cự cải với nhau, không còn sống chung từ năm 2022 cho đến nay, Chị T đã về nhà mẹ ruột ở (BL 37). Tòa án đã nhiều lần mời Chị T và anh X đến Tòa án để hòa giải nhằm động viên hàn gắn gia đình nhưng anh X đều vắng mặt không rõ lý do. Vấn đề này thấy rằng anh X đã bỏ mặc hôn nhân của mình và tình trạng hôn nhân giữa Chị T và anh X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các điều 14, 51, 53 và 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử sẽ xem xét không công nhận Chị T và anh X là vợ chồng.

Về con chung: Chị Thạch Thị T cho rằng chị với anh Thạch X có 01 con chung tên Thạch Ngọc Th sinh năm 1996 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị Thạch Thị T không tranh chấp với anh Thạch X nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Thạch Thị T không tranh chấp với anh Thạch X nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Thạch Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Dành cho anh Thạch X một vụ kiện khác để yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung với chị Thạch Thị T khi có yêu cầu.

[4] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 14, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị T.

Không công nhận chị Thạch Thị T với anh Thạch X là vợ chồng.

Về con chung: Do con chung của chị Thạch Thị T và anh Thạch X là Thạch Ngọc Th, sinh ngày 17/8/1996 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị Thạch Thị T không tranh chấp với anh Thạch X nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Thạch Thị T không tranh chấp với anh Thạch X nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Dành cho anh Thạch X một vụ kiện khác để yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung với chị Thạch Thị T khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị Thạch Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008758 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Chị Thạch Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Thạch Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Anh Thạch X vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Viện KSND huyện Cầu Kè;
- Chi CTHADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã H, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chí Điền